

## BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 01/04/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	680,23	95,61
Thay đổi (%)	2,67%	3,21%
KLGD (triệu CP)	267,02	36,50
GTGD (tỷ VND)	3.834,17	325,76
Số CP tăng giá	287	99
Số Cp đứng giá	50	43
Số Cp giảm giá	86	52

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,51	0,88
PE (lần)	10,26	8,27
Hệ số Beta	0,99	0,79
ROE (%)	19,33%	14,73%
ROA (%)	7,80%	5,24%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	63,71	3,79
GTGD (tỷ VNĐ)	1.713,74	59,24

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	389,55	0,80
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-516,72	-15,82
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-127,17	-15,02
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-142,19	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	628,79	18,03
VN30F2004	590,0	11,3
VN30F2005	588,0	12,0
VN30F2006	592,0	12,0
VN30F2009	588,5	11,3

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	21.917,16	-1,84%
S&P 500 *	2.584,59	-1,60%
DAX *	9.935,84	1,22%
FTSE 100 *	5.671,96	1,95%
Nikkei 225	18.065,41	-4,50%
Hang Seng	23.085,79	-2,19%

\* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

### Hàng loạt cổ phiếu hồi phục mạnh, Vn-Index lấy lại mốc 680 điểm trong phiên giao dịch đầu tháng 4!

#### Diễn biến thị trường:

TTCK Mỹ giảm điểm trong đêm qua đã ảnh hưởng đôi chút tới tâm lý giới đầu tư trong nước, khiến các chỉ số giảm nhẹ trong những phút mở cửa. Tuy vậy, ngay sau đó dòng tiền bắt đáy đã tham gia vào thị trường khá chủ động, giúp Vn-Index nhanh chóng đảo chiều tăng điểm. Đà tăng được duy trì trong suốt toàn bộ phiên, nhưng phần nào có dấu hiệu chững lại khi Vn-Index chạm mốc 680 điểm. Trong đó, các cổ phiếu Bluechips đồng loạt hồi phục khá ấn tượng, nổi bật là BVH, SSI tăng trần, PNJ tăng 5,9%, MWG tăng 3,9%, VNM tăng 3,3%, VIC tăng 3,1%, GAS tăng 3,9%,... Bên cạnh đó, các cổ phiếu nhóm ngân hàng cũng ghi nhận phiên tăng điểm rất mạnh, với các mã như STB tăng trần, CTG tăng 6,4%, MBB tăng 5,7%, VCB tăng 4,8%, ACB tăng 4,5%, BID tăng 4,1%... giúp chỉ số VN-Index đóng cửa tăng gần 18 điểm.

Xét trên toàn thị trường, đà tăng cũng diễn ra trên diện rộng tại nhiều nhóm ngành khi có tới 287 mã tăng điểm trên sàn HOSE, và gần 100 mã trên sàn HNX. Ở các nhóm ngành mang tính thị trường, các cổ phiếu chứng khoán, bất động sản, xây dựng, dầu khí, cao su... đồng loạt phục hồi khá tích cực trong phiên hôm nay. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu "họ FLC" cũng có phiên giao dịch tích cực với hàng loạt mã tăng trần như ROS, FLC, HAI, KLF, AMD,... Trên TTCK phái sinh, dù tăng điểm mạnh nhưng cả 4 HĐTL đều đang duy trì basis âm lên tới 40 điểm, cho thấy tâm lý giới đầu tư vẫn đang khá thận trọng với xu hướng thị trường.

Về giao dịch khối ngoại, họ tiếp tục bán ròng nhưng áp lực đã giảm đáng kể, chỉ còn gần 130 tỷ đồng. Lực bán tập trung vào một số cổ phiếu như MSN (38 tỷ đồng), HVN (18,9 tỷ đồng), VIC (14,4 tỷ đồng), VPB (11,8 tỷ đồng),...

#### Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn rất ảm đạm khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 12.400 đồng/CP.

#### KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Phiên tăng điểm khá tích cực của TTCK Việt Nam, với việc chỉ số Vn-Index đóng cửa tăng gần 18 điểm, và lấy lại mốc 680 điểm. Mặc dù vậy, thanh khoản trong phiên hôm nay vẫn duy trì ở mức tương đương phiên trước đó, và nếu trừ đi lượng giao dịch thỏa thuận thì thậm chí còn giảm, cho thấy tâm lý của giới đầu tư đang khá thận trọng. Chúng tôi nhận định rằng, phiên tăng điểm hôm nay khá tương đồng với phiên thứ tư tuần trước, dù tăng điểm tích cực nhưng chưa thể khẳng định xu hướng điều chỉnh đã kết thúc. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, và phần lớn hoạt động trên đất nước Việt Nam sẽ bị ngưng trệ trong 2 tuần tới, thì chúng tôi vẫn duy trì quan điểm thận trọng với thị trường. Quý nhà đầu tư nên tiếp tục ưu tiên vị thế đứng ngoài quan sát, và chờ đợi xu hướng hồi phục được hình thành trước khi ra quyết định đầu tư.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
<b>Stochastic</b>	TIÊU CỰC	<b>MACD</b>	TIÊU CỰC
<b>Volume</b>	TIÊU CỰC	<b>MA18</b>	TIÊU CỰC
<b>MA Ngắn hạn</b>	TIÊU CỰC	<b>MA65</b>	TIÊU CỰC
<b>Trend Ngắn hạn</b>	TIÊU CỰC	<b>Trend Trung hạn</b>	TIÊU CỰC

**Kết luận:** Phiên giao dịch đầy sức sống của chứng khoán Việt Nam trong ngày giao dịch đầu tiên của tháng 4. Mở cửa trong sắc đỏ, nhưng điểm tích cực là lực cầu có xu hướng gia tăng mạnh và càng giao dịch càng lạc quan, giúp chỉ số Vn-index đóng cửa ở mức cao của ngày. Biên độ tăng điểm khá tốt, cộng với thanh khoản ở mức cao cho thấy tâm lý của giới đầu tư trong nước rất phấn khích, khi mà chứng trường Việt Nam đi ngược lại với xu hướng đỏ điểm chung của thị trường Châu Á.

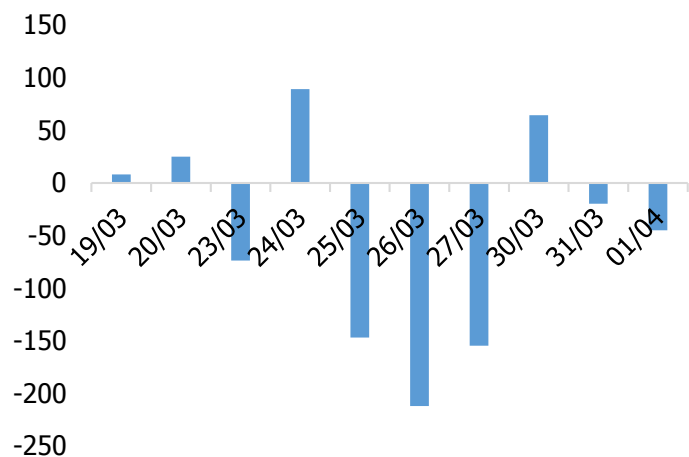
Xét về trung hạn, áp lực giảm điểm vẫn đè nặng lên thị trường, nhưng phiên hôm nay cho thấy trong ngắn hạn, đà giảm có chiều hướng chững lại sau nhiều phiên giảm mạnh trước đó. Mặt bằng giá trị vốn hóa của thị trường đã trở nên khá hấp dẫn, khiến cho giới đầu tư có xu hướng tham gia bắt đáy. Ở kỹ thuật, đã xuất hiện mô hình nền đảo chiều tăng giá khá chuẩn là "Bullish Engulfing" cho tín hiệu mua trong ngắn hạn. Chúng tôi nhận thấy, mặc dù còn tiềm ẩn khá nhiều rủi ro, song cơ hội cũng đã manh nha xuất hiện, vì vậy, quý nhà đầu tư mạo hiểm có thể mở vị thế mua thăm dò, ưu tiên các mã có trong danh mục của chúng tôi.

## GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

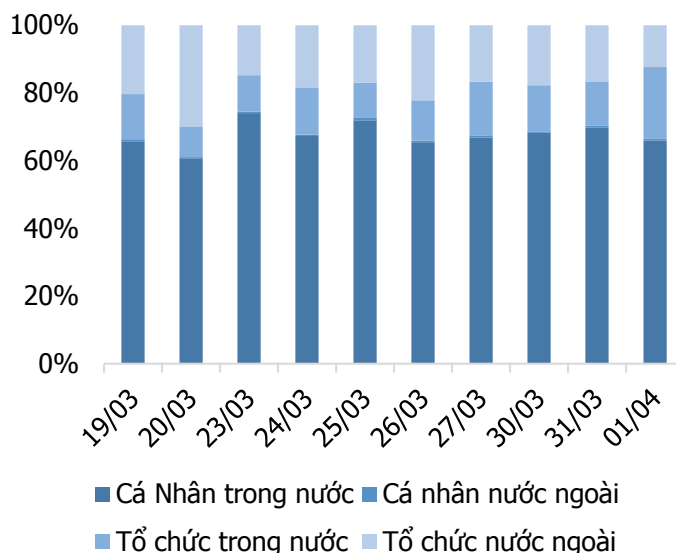
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày

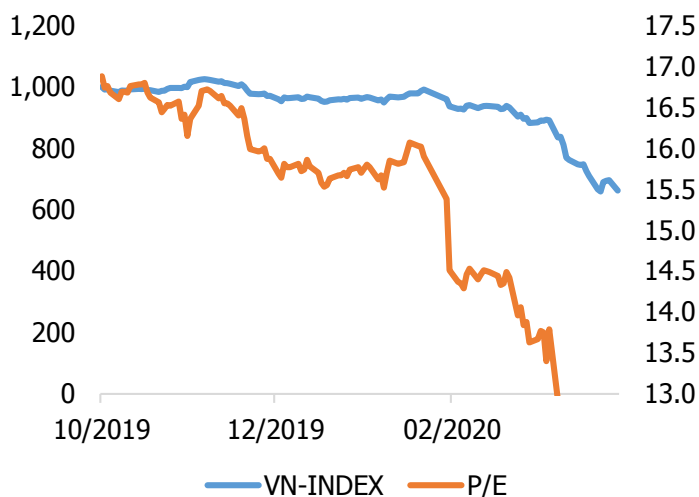


Giao dịch theo NĐT



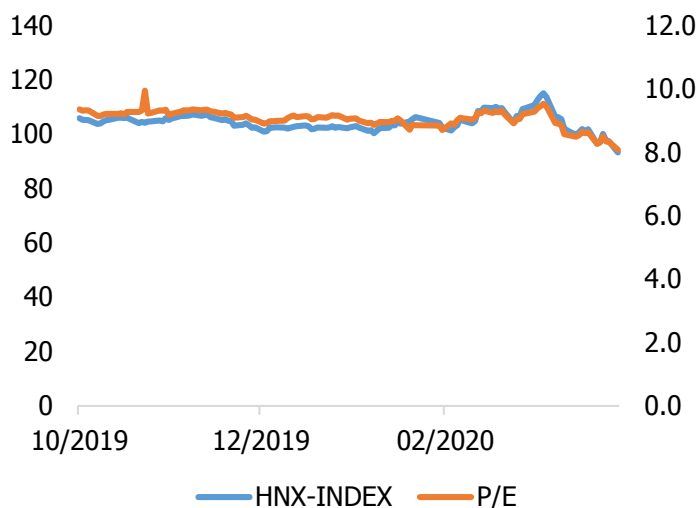
Vn-index - P/E lịch sử

VNINDEX - P/E lịch sử



Hn-index - P/E lịch sử

HNXINDEX - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HPG	17,250	9,439.06
VCB	65,000	8,810.92
CTG	18,300	7,861.30
MWG	61,200	7,424.23
STB	7,810	3,196.50

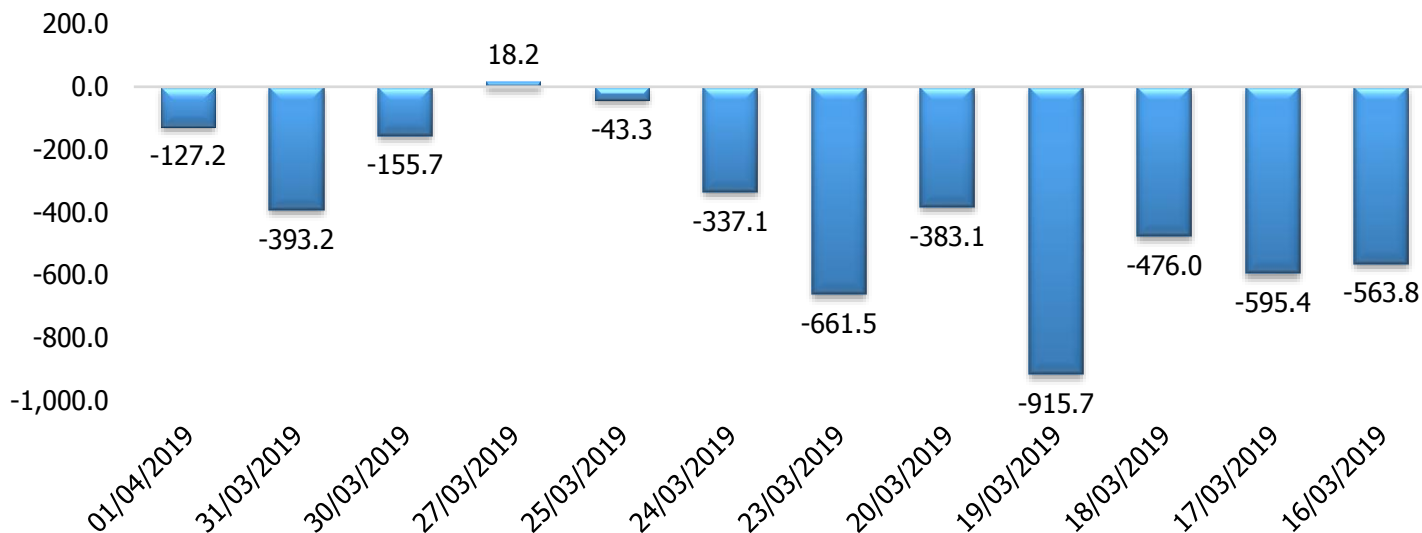
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
MBB	14,250	10,899.75
MWG	61,200	10,186.16
STB	7,810	9,305.75
HPG	17,250	7,678.95
VCB	65,000	6,782.06

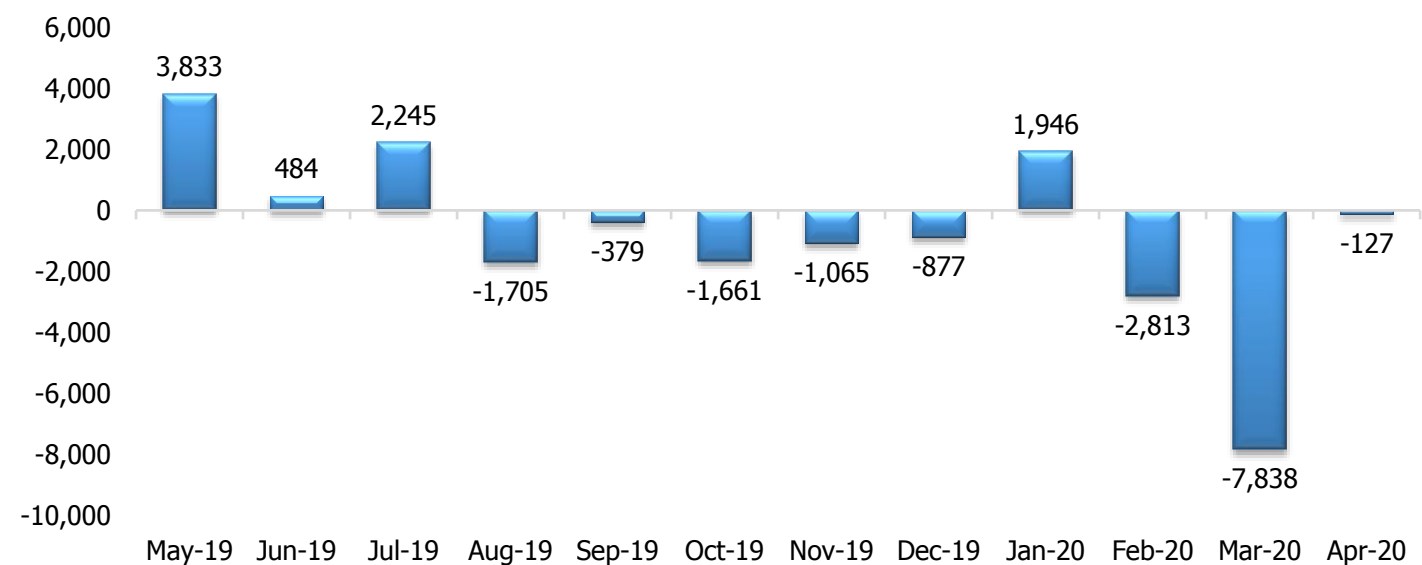
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

## GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



### HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

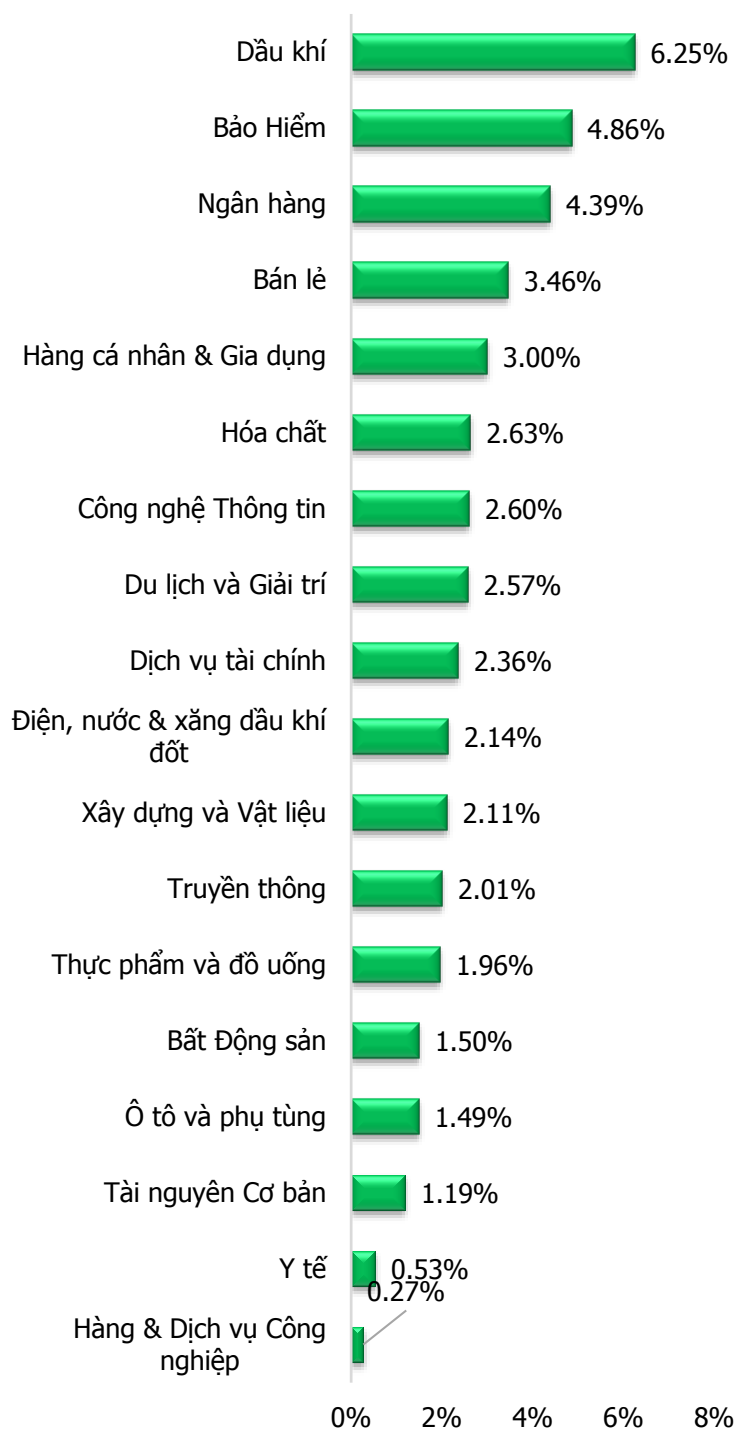
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
CTG	6.70	MSN	38.09
VCB	6.58	HVN	18.92
PLX	6.32	VIC	14.43
HPG	5.63	VPB	11.85
NVL	5.10	BID	10.49

### HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VCS	0.17	PVS	14.14
VC3	0.10	VHL	0.51
TAR	0.10	SHS	0.45
AMV	0.08	SHB	0.26
LAS	0.05	PGS	0.09

## NHÓM NGÀNH

**Biến động giá theo ngành**



**Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)**



(Nguồn: Fiinpro)

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
<b>Danh Mục Khuyến Nghị Mua</b>	BVH	38.3	42.4	34.9	39.55	37.90					Chờ khớp
	DPM	12.0	13.3	10.9	12.25	11.90					Chờ khớp
	HBC	6.3	6.9	5.7	6.40	6.20					Chờ khớp
	HVN	18.4	20.4	16.7	18.50	18.20					Chờ khớp
	MBB	14.1	15.7	12.9	14.25	14.00					Chờ khớp
	PTB	35.6	39.4	32.4	36.80	35.20					Chờ khớp
	SSI	12.2	13.6	11.1	12.40	12.10					Chờ khớp
	L14	51.3	56.9	46.7	54.20	50.80					Chờ khớp
<b>Danh Mục Đang Nằm Giữ</b>	DBC	18.2	20.2	16.6	19.30	18.00		31/03/2020		7.2%	Nằm giữ
	BMI	15.4	17.0	14.0	15.15	15.20		30/03/2020		-0.3%	Nằm giữ
	AGG	26.5	29.4	24.2	26.50	26.25		23/03/2020		1.0%	Nằm giữ
	FCN	7.4	8.2	6.7	7.26	7.30		19/03/2020		-0.5%	Nằm giữ
	MSR	15.2	16.8	13.8	14.60	15.00		19/03/2020		-2.7%	Nằm giữ
	MSN	53.0	58.8	48.3	49.20	52.50		09/03/2020		-6.3%	Nằm giữ
DP3	64.6	71.7	58.9	63.00	64.00		05/08/2019		-1.6%	Nằm giữ	
<b>Danh Mục Đã Bán</b>	HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	10/02/2020	10/03/2020	27.6%	Đã bán
	SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	13/02/2020	10/03/2020	4.9%	Đã bán
	EIB	17.1	18.9	15.5	17.00	16.9	16.9	06/11/2019	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	DHC	38.4	42.6	35.0	37.40	38.00	38.00	04/03/2020	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	VBB	16.2	17.9	14.7	15.00	16.00	15.10	22/01/2020	01/04/2020	-5.6%	Đã bán
	CTG	19.2	21.3	17.5	17.70	19.00	18.20	26/03/2020	31/03/2020	-4.2%	Đã bán
	GAS	59.1	65.5	53.8	54.60	58.50	57.00	26/03/2020	31/03/2020	-2.6%	Đã bán
	SCR	5.6	6.2	5.1	5.17	5.55	5.10	19/02/2020	28/02/2020	-8.1%	Đã bán
	HDB	19.8	22.0	18.0	18.25	19.60	18.00	26/03/2020	30/03/2020	-8.2%	Đã bán
	MH3	31.3	34.7	28.5	30.00	31.00	28.50	26/03/2020	30/03/2020	-8.1%	Đã bán
	MSH	28.1	31.1	25.6	26.65	27.80	25.60	26/03/2020	30/03/2020	-7.9%	Đã bán
	VCS	56.1	62.2	51.1	51.30	55.50	52.40	19/03/2020	24/03/2020	-5.6%	Đã bán
	DBC	18.3	20.3	16.7	17.35	18.10	16.70	20/03/2020	23/03/2020	-7.7%	Đã bán
	GIL	19.1	21.2	17.4	18.00	18.90	17.40	09/03/2020	11/03/2020	-7.9%	Đã bán
	BCE	6.9	7.7	6.3	6.70	6.88	6.77	26/12/2019	10/03/2020	-1.6%	Đã bán
	NTP	29.6	32.8	27.0	28.00	29.30	28.30	06/03/2020	10/03/2020	-3.4%	Đã bán
	ANV	18.1	20.0	16.5	16.70	17.90	17.00	04/03/2020	10/03/2020	-5.0%	Đã bán
	HAR	3.2	3.6	2.9	3.06	3.20	3.05	24/02/2020	10/03/2020	-4.7%	Đã bán
	DVP	37.1	41.1	33.8	35.05	36.70	33.80	28/02/2020	09/03/2020	-7.9%	Đã bán
	VIB	18.7	20.7	17.0	18.10	18.50	17.00	24/02/2020	09/03/2020	-8.1%	Đã bán
	VNA	2.8	3.1	2.6	2.70	2.80	2.60	24/02/2020	09/03/2020	-7.1%	Đã bán
	IDV	37.9	42.0	34.5	37.60	37.50	34.50	09/01/2020	09/03/2020	-8.0%	Đã bán
	TNA	14.1	15.7	12.9	25.10	14.00	23.4	23/09/2019	26/12/2019	66.8%	Đã bán
	VPB	19.6	21.7	17.8	22.70	19.40	23.00	05/12/2019	31/01/2020	18.6%	Đã bán
	VPB	24.0	26.7	21.9	26.80	23.80	28.30	06/02/2020	25/02/2020	18.9%	Đã bán
	DGW	26.3	29.1	23.9	27.30	26.00	27.70	11/02/2020	21/02/2020	6.5%	Đã bán
	DHC	39.3	43.6	35.8	39.50	38.90	39.20	17/01/2020	03/02/2020	0.8%	Đã bán
	VSC	26.1	28.9	23.7	26.40	25.80	26.20	19/12/2019	31/01/2020	1.6%	Đã bán
	ACB	23.4	26.0	21.3	23.60	23.20	23.70	15/01/2020	31/01/2020	2.2%	Đã bán
	STB	10.4	11.5	9.5	10.35	10.30	10.40	13/01/2020	31/01/2020	1.0%	Đã bán
KDH	25.9	28.7	23.6	26.25	25.60	26.5	26/09/2019	19/12/2019	3.5%	Đã bán	
SNZ	19.4	21.5	17.7	19.00	19.2	19.5	21/10/2019	03/12/2019	1.6%	Đã bán	
GMD	23.5	26.1	21.4	23.50	23.30	23.60	16/12/2019	27/12/2019	1.3%	Đã bán	

## NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

### HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HQC	1,070	70	7.00%	5,594,110
NVT	4,280	280	7.00%	570
TSC	1,990	130	6.99%	438,390
DPM	12,250	800	6.99%	1,259,170
STB	7,810	510	6.99%	8,807,420

### HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACM	500	100	25.00%	83,325
HKB	600	100	20.00%	341,110
SPI	800	100	14.29%	221,800
PVX	800	100	14.29%	487,275
HHG	1,000	100	11.11%	12,116

### HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
LAF	8,170	-610	-6.95%	60
SBV	8,830	-660	-6.95%	11,790
PTC	4,280	-320	-6.96%	2,810
RIC	4,270	-320	-6.97%	380
DHM	3,990	-300	-6.99%	650

### HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
LM7	7,300	-800	-9.88%	100
TTC	10,900	-1,200	-9.92%	300
VSA	12,600	-1,400	-10.00%	100
MPT	800	-100	-11.11%	243,009
SPP	800	-100	-11.11%	61,170

### HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,480	220	6.75%	19,420,900
LDG	4,160	10	0.24%	18,723,660
FLC	2,650	170	6.85%	14,085,950
HAI	2,760	180	6.98%	11,794,890
HSG	4,860	310	6.81%	4,001,500

### HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBG	5,700	500	9.62%	2,785,200
TTH	1,500	-100	-6.25%	534,800
HKB	600	100	20.00%	341,110
MPT	800	-100	-11.11%	243,009
TAR	32,500	800	2.52%	236,200

### HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,480	220	6.75%	19,420,900
LDG	4,160	10	0.24%	18,723,660
FLC	2,650	170	6.85%	14,085,950
HAI	2,760	180	6.98%	11,794,890
STB	7,810	510	6.99%	8,807,420

### HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KLF	1,500	100	7.14%	4,536,061
SHB	12,900	700	5.74%	3,776,573
PVS	9,400	400	4.44%	3,625,814
MBG	5,700	500	9.62%	2,785,200
ACB	18,600	800	4.49%	2,761,168

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

## DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	124,079	18,529	2,377	0.6%	12.7%	12.98	1.66	993,596	32,100	-10.87%
2	CTD	3,429	110,305	9,320	4.3%	8.7%	4.82	0.41	127,785	45,100	-67.67%
3	CTG	64,043	20,625	2,541	0.8%	13.1%	6.77	0.83	6,371,373	18,300	-23.39%
4	BVH	27,466	25,688	1,550	0.9%	6.2%	23.88	1.44	248,690	39,550	-60.52%
5	PLX	43,465	19,375	3,613	7.2%	17.4%	10.10	1.88	342,014	38,900	-32.66%
6	EIB	18,011	12,810	704	0.5%	5.7%	20.79	1.14	2,373,392	15,200	-16.76%
7	FPT	27,877	20,588	4,627	9.9%	19.9%	8.88	2.00	1,935,520	42,300	3.35%
8	GAS	104,884	25,344	6,219	19.1%	24.7%	8.81	2.16	379,398	56,100	-42.91%
9	POW	16,604	11,481	1,072	4.4%	8.9%	6.62	0.62	2,568,040	7,360	-53.20%
10	HDB	17,135	19,813	3,745	1.6%	19.4%	4.75	0.90	1,990,901	18,950	-40.67%
11	HPG	46,524	17,248	2,726	8.4%	17.0%	6.18	0.98	7,237,083	17,250	-31.97%
12	MBB	32,675	16,477	3,389	2.0%	21.1%	4.00	0.82	5,828,952	14,250	-32.89%
13	MSN	57,278	36,597	4,766	6.9%	12.9%	10.28	1.34	1,951,411	49,200	-41.87%
14	MWG	26,671	27,014	8,617	11.0%	36.3%	6.84	2.18	893,784	61,200	-29.35%
15	NVL	50,319	22,978	3,654	4.3%	15.5%	14.21	2.26	1,594,881	51,800	-6.99%
16	PNJ	10,561	20,326	5,360	15.9%	28.7%	8.75	2.31	725,512	48,600	-36.37%
17	REE	8,464	33,533	5,286	9.3%	15.6%	5.16	0.81	900,048	28,300	-10.07%
18	ROS	1,850	10,645	314	1.7%	3.0%	10.38	0.31	20,022,207	3,480	-89.81%
19	SAB	78,878	29,325	7,880	20.5%	27.9%	15.61	4.19	179,273	123,100	-49.53%
20	SBT	7,726	12,426	589	1.9%	4.9%	21.55	1.02	2,765,692	12,700	-29.14%
21	SSI	6,009	18,215	1,781	3.6%	9.8%	6.51	0.64	1,973,241	12,400	-55.45%
22	STB	13,167	14,826	1,361	0.6%	9.6%	5.36	0.49	6,279,414	7,810	-40.16%
23	TCB	52,502	17,651	2,881	2.9%	17.7%	5.21	0.85	4,430,887	15,500	-41.41%
24	VCB	229,950	21,785	4,991	1.6%	25.9%	12.42	2.85	1,014,251	65,000	-7.06%
25	VHM	180,923	17,053	6,499	13.7%	38.5%	8.46	3.23	1,598,332	54,800	-39.17%
26	VIC	282,095	22,592	2,236	2.2%	6.9%	37.30	3.69	756,182	86,000	-28.04%
27	VJC	50,917	29,231	7,883	9.7%	28.7%	12.33	3.33	557,292	99,200	-15.83%
28	VNM	158,465	15,794	6,076	25.8%	37.8%	14.98	5.76	1,584,974	94,000	-29.96%
29	VPB	41,320	17,315	3,374	2.4%	21.5%	5.02	0.98	5,502,956	17,250	-16.09%
30	VRE	43,515	11,847	1,226	7.7%	10.3%	15.62	1.62	3,247,653	19,250	-43.02%

(Nguồn: Finpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: [vncs,research@vn-cs.com](mailto:vncs,research@vn-cs.com)

**Người thực hiện: Dương Quang Minh**

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [minhdq@vn-cs.com](mailto:minhdq@vn-cs.com)

**Người thực hiện: Đỗ Thị Hường**

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS**

**Đỗ Bảo Ngọc**

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

**Nguyễn Đức Minh**

Chuyên viên Phân tích Cao cấp

Email: [minhdn@vn-cs.com](mailto:minhdn@vn-cs.com)

**Vũ Thùy Dương**

Chuyên viên phân tích

Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán**

**Lưu Chí Kháng**

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [khanglec@vn-cs.com](mailto:khanglec@vn-cs.com)

**Trần Vũ Phương Liên**

Chuyên viên phân tích

Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

**Dương Quang Minh**

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [minhdq@vn-cs.com](mailto:minhdq@vn-cs.com)

**Đỗ Thị Hường**

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

**TRỤ SỞ VNCS**

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099      Website: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)